

Số: 2703/2026/TB - HII

No.: 2703/2026/TB - HII

Yên Bái, ngày 27 tháng 03 năm 2026



Kính gửi:

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *HCM Stock Exchange*

I. Tên tổ chức/Name of organization:

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIEN INDUSTRIES (“HII”)
AN TIEN INDUSTRIES JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: HII
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu CN phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Head Office Address: South Industrial Zone, Van Phu Ward, Lao Cai Province, Vietnam
- Giấy CN đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở tài chính tỉnh Lào Cai cấp
Business Registration Certificate No. 5200466372 issued by the Department of Finance of Lao Cai Province
- Điện thoại/*Tel*: 0216.3853.886/3856.555 Fax: 0216.3851.123

II. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo tài chính Riêng Năm 2025 được kiểm toán (bản tiếng Việt + bản tiếng Anh);
Audited Separate Financial Statements for 2025 (Vietnamese and English versions)
- Báo cáo tài chính Hợp nhất Năm 2025 được kiểm toán (bản tiếng Việt + bản tiếng Anh);
Audited Consolidated Financial Statements for 2025 (Vietnamese and English versions);
- Giải trình chênh lệch LNST tại BCTC Riêng + Hợp nhất năm 2025 được kiểm toán so với năm 2024.
Explanation of the difference in net profit after tax between the Audited Separate & Consolidated Financial Statements for 2025 and those for 2024.

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/03/2026 tại đường dẫn www.antienindustries.com/This information was published on the company's website on 27/03/2026 (date), as in the link www.antienindustries.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin

Dương Huy Bình

CÔNG TY
CỔ PHẦN
AN TIEN
INDUSTRIES
CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIEN INDUSTRIES
I have reviewed
this document
2026-03-27 10:02:
29

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần An Tiến Industries

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 47



Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (hiện nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 18 ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối bột đá CaCO₃, hạt nhựa và nhựa phụ gia; bán buôn bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch	
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Đinh Trọng Đức	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Diệu Linh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thủy Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Đỗ Như Quỳnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Ngô Văn Thụ, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Ngô Văn Thụ
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026





Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vn_vn

Số tham chiếu: 12122747/68663477

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3835-2026-004-1

Ngô Thị Phương Nhung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3069-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		489.690.621.668	496.196.429.857
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	134.829.130.872	153.678.497.587
111	1. Tiền		134.829.130.872	33.678.497.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	120.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		172.951.128.745	196.316.682.057
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	166.216.569.429	118.566.492.555
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	8.517.186.291	72.633.545.509
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	358.898.795	7.258.169.763
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.141.525.770)	(2.141.525.770)
140	III. Hàng tồn kho	8	139.656.342.331	95.620.627.477
141	1. Hàng tồn kho		140.721.821.015	96.633.016.755
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.065.478.684)	(1.012.389.278)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		42.254.019.720	50.580.622.736
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	352.564.615	1.877.608.364
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	41.901.455.105	47.385.786.099
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	15	-	1.317.228.273
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		710.587.316.256	653.596.879.617
220	I. Tài sản cố định		224.243.648.753	200.417.098.739
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	212.892.454.448	188.703.693.214
222	Nguyên giá		462.601.848.069	426.772.716.483
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(249.709.393.621)	(238.069.023.269)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	11.351.194.305	11.713.405.525
228	Nguyên giá		16.248.646.836	16.248.646.836
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.897.452.531)	(4.535.241.311)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	11	476.767.033.858	448.435.963.578
251	1. Đầu tư vào công ty con		440.225.997.450	334.749.837.450
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		193.016.300.000	232.866.500.000
253	3. Đầu tư vào đơn vị khác		-	1.260.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(156.475.263.592)	(120.440.373.872)
260	III. Tài sản dài hạn khác		9.576.633.645	4.743.817.300
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.638.605.435	4.743.817.300
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	2.938.028.210	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.200.277.937.924	1.149.793.309.474



Công ty Cổ phần An Tiến Industries


B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		309.459.772.675	260.699.924.018
310	I. Nợ ngắn hạn		275.984.097.019	189.505.329.434
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	82.505.769.462	43.206.095.737
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	13.653.232.853	2.572.554.495
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	14.368.907.083	37.363.182
314	4. Phải trả người lao động	15	3.369.028.382	2.483.746.113
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.683.229.822	4.111.143.613
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.760.048.953	2.935.429.444
320	7. Vay ngắn hạn	18	151.551.012.597	125.946.036.262
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	5.092.867.867	8.212.960.588
330	II. Nợ dài hạn		33.475.675.656	71.194.594.584
338	1. Vay dài hạn	18	33.475.675.656	71.194.594.584
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		890.818.165.249	889.093.385.456
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	890.818.165.249	889.093.385.456
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		736.630.160.000	736.630.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		736.630.160.000	736.630.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.942.220.000	5.942.220.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.043.106.930	11.043.106.930
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.564.926.542	1.564.926.542
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.637.751.777	133.912.971.984
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		111.353.726.285	131.661.118.872
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.284.025.492	2.251.853.112
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.200.277.937.924	1.149.793.309.474

Lào Cai, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập


Nguyễn Thị Thu Nhân
Kế toán trưởng


Ngô Văn Thụ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.021.899.306.255	896.883.386.629
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(120.238.718)	(70.557.740)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.021.779.067.537	896.812.828.889
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(780.473.627.227)	(660.127.703.650)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		241.305.440.310	236.685.125.239
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	44.234.277.498	45.847.629.507
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(49.516.460.932) (10.262.496.277)	(65.104.552.649) (7.820.827.020)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(175.135.504.902)	(194.708.170.732)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(23.375.329.433)	(18.668.481.631)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.512.422.541	4.051.549.734
31	11. Thu nhập khác		1.740.322.840	151.072.607
32	12. Chi phí khác		(22.891.034)	(348.700.739)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		1.717.431.806	(197.628.132)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.229.854.347	3.853.921.602
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(17.883.857.065)	(1.602.068.490)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	2.938.028.210	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.284.025.492	2.251.853.112

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập



Nguyễn Thị Thu Nhân
Kế toán trưởng



Ngô Văn Thu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		39.229.854.347	3.853.921.602
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9, 10	31.700.341.572	29.696.650.036
03	Các khoản dự phòng		36.087.979.126	55.176.824.483
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		216.950.308	(876.527.754)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.245.467.683)	(29.096.065.533)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành khoản vay)		11.462.496.277	8.590.827.020
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		88.452.153.947	67.345.629.854
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		19.548.111.354	(66.943.623.562)
10	Tăng hàng tồn kho		(44.088.804.260)	(54.335.092.550)
11	Tăng các khoản phải trả		45.266.979.289	12.046.335.656
12	Tăng chi phí trả trước		(369.744.386)	(1.809.925.350)
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.079.817.482)	(7.971.045.645)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.247.355.816)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.580.433.620)	(2.185.900.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		92.901.089.026	(53.853.622.097)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(50.073.462.084)	(12.155.662.396)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		725.384.259	257.407.408
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(50.000.000.000)	(114.463.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		50.000.000.000	295.463.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(105.476.160.000)	(33.120.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		40.381.200.000	187.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.039.083.424	33.967.305.766
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(78.403.954.401)	170.136.550.778

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		499.546.810.425	686.643.164.510
34	Tiền trả nợ gốc vay		(511.059.860.802)	(692.080.502.884)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.083.025.455)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(33.596.075.832)	(5.437.338.374)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(19.098.941.207)	110.845.590.307
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		153.678.497.587	42.530.334.385
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		249.574.492	302.572.895
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	134.829.130.872	153.678.497.587

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập



Nguyễn Thị Thu Nhân
Kế toán trưởng




Ngô Văn Thu
Tổng Giám đốc



12/11
12/11
12/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (hiện nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 18 ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và phân phối bột đá CaCO₃, hạt nhựa và nhựa phụ gia; bán buôn bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 251 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 230 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol ("Công ty An Thành")	99,65%	99,65%	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
2	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín")	99%	99%	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và cung ứng dịch vụ Logistics
3	Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD ("Công ty An Thành Singapore")	100%	100%	Số 3 đường Temasek, tầng 21 tòa Centennial, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

22-C
TY
/ OUN
AM
/ CHI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình đối với quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm
Tài sản cố định khác	3 - 30 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau: (tiếp theo)

- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- ▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

- ▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để dự phòng tăng vốn cổ phần của Công ty trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



3 Ph

DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ đá, nhựa và sản phẩm có liên quan, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh các sản phẩm từ đá, nhựa và các sản phẩm có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh thoái vốn

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2025, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đã thực hiện giao dịch thoái vốn tại Công ty, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 45,1%. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh không còn là công ty mẹ và trở thành thành Cổ đông lớn của Công ty kể từ ngày này.

4.2 Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty An Thành

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 15.511.200 cổ phần của Công ty An Thành từ Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh với giá trị chuyển nhượng là 105.476.160.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này tăng từ 51% lên thành 99,65% kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Giảm vốn đầu tư vào công ty liên kết - Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2025, Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (Công ty PBAT) đã thực hiện hoàn trả một phần vốn góp của chủ sở hữu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty. Theo đó, Công ty PBAT hoàn trả 3.985.020 cổ phần cho Công ty với tổng giá trị hoàn trả là 39.850.200.000 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	9.128.472	68.325.835
Tiền gửi ngân hàng	134.820.002.400	33.610.171.752
Các khoản tương đương tiền	-	120.000.000.000
TỔNG CỘNG	134.829.130.872	153.678.497.587

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	159.436.070.733	113.913.773.833
Công ty New Trend Trading LLC	21.387.483.120	10.381.175.630
Công ty Konkan Speciality Polyproducts Pvt. Ltd	15.240.859.767	-
Công ty Petromall Industrial and Trading	14.139.862.095	10.898.976.308
Các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	108.667.865.751	92.633.621.895
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	6.780.498.696	4.652.718.722
TỔNG CỘNG	166.216.569.429	118.566.492.555
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	(2.141.525.770)	(2.141.525.770)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH tư vấn thiết kế máy công nghiệp Bình Minh	2.801.040.000	-
Công ty TotalEnergies Corbion BV	1.454.585.438	-
Công ty cổ phần sản xuất máy Công nghiệp và Thương mại An Việt	1.049.732.000	1.161.600.000
Công ty SHANGHAI SHIBANG MACHINERY CO., LTD	1.003.257.000	-
Các khoản trả trước khác	2.208.571.853	7.597.877.144
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	63.874.068.365
TỔNG CỘNG	8.517.186.291	72.633.545.509



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	219.478.257	-	1.441.934.637	-
Lãi dự thu	-	-	90.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức	-	-	5.700.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	139.420.538	-	26.235.126	-
TỔNG CỘNG	358.898.795	-	7.258.169.763	-
Trong đó:				
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	-	5.710.000.000	-
Phải thu đối tượng khác	358.898.795	-	1.548.169.763	-

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	6.954.823.200	-	10.169.515.968	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	93.856.911.226	-	64.721.640.050	-
Công cụ, dụng cụ	7.880.631.826	-	4.127.833.051	-
Thành phẩm	20.776.286.961	(1.065.478.684)	15.854.756.629	(1.012.389.278)
Hàng gửi đi bán	11.253.167.802	-	1.759.271.057	-
TỔNG CỘNG	140.721.821.015	(1.065.478.684)	96.633.016.755	(1.012.389.278)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.012.389.278	352.690.563
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.065.478.684	1.012.389.278
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.012.389.278)	(352.690.563)
Số cuối năm	1.065.478.684	1.012.389.278

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	149.295.467.785	240.009.722.584	27.720.508.931	5.522.432.637	4.224.584.546	426.772.716.483
- Mua trong năm	397.075.450	53.261.562.955	1.600.818.181	267.435.000	-	55.526.891.586
- Thanh lý, nhượng bán	-	(19.437.760.000)	-	(260.000.000)	-	(19.697.760.000)
Số cuối năm	149.692.543.235	273.833.525.539	29.321.327.112	5.529.867.637	4.224.584.546	462.601.848.069
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	2.634.145.316	31.045.766.916	9.830.207.123	900.691.273	264.854.546	44.675.665.174
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	54.841.555.151	156.010.715.740	20.475.755.068	4.611.920.268	2.129.077.042	238.069.023.269
- Khấu hao trong năm	6.223.143.837	21.538.159.111	2.645.356.738	611.030.034	320.440.632	31.338.130.352
- Thanh lý	-	(19.437.760.000)	-	(260.000.000)	-	(19.697.760.000)
Số cuối năm	61.064.698.988	158.111.114.851	23.121.111.806	4.962.950.302	2.449.517.674	249.709.393.621
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	94.453.912.634	83.999.006.844	7.244.753.863	910.512.369	2.095.507.504	188.703.693.214
Số cuối năm	88.627.844.247	115.722.410.688	6.200.215.306	566.917.335	1.775.066.872	212.892.454.448

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại là 23,4 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	15.926.986.836	321.660.000	16.248.646.836
Số cuối năm	15.926.986.836	321.660.000	16.248.646.836
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	170.340.000	170.340.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	4.310.681.417	224.559.894	4.535.241.311
- Hao mòn trong năm	325.040.544	37.170.676	362.211.220
Số cuối năm	4.635.721.961	261.730.570	4.897.452.531
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	11.616.305.419	97.100.106	11.713.405.525
Số cuối năm	11.291.264.875	59.929.430	11.351.194.305



12/12/2025

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con		440.225.997.450	(37.664.930.288)		334.749.837.450	(53.189.022.279)	
Công ty An Tín	99%	156.950.000.000	-	99%	156.950.000.000	-	(*)
Công ty An Thành (Thuyết minh số 4.2)	99,65%	268.064.160.000	(37.664.930.288)	51%	162.588.000.000	(53.189.022.279)	(*)
Công ty An Thành Singapore	100%	15.211.837.450	-	100%	15.211.837.450	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		193.016.300.000	(118.810.333.304)		232.866.500.000	(67.251.351.593)	
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (Thuyết minh số 4.3)	39,83%	178.203.800.000	(118.810.333.304)	39,83%	218.054.000.000	(67.251.351.593)	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	16,67%	14.812.500.000	-	16,67%	14.812.500.000	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác					1.260.000.000		
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	0%	-	-	1%	1.260.000.000	-	(*)
TỔNG CỘNG		633.242.297.450	(156.475.263.592)		568.876.337.450	(120.440.373.872)	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu năm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	93.162.287	850.011.385
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	259.402.328	1.027.596.979
TỔNG CỘNG	352.564.615	1.877.608.364
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.586.551.191	3.215.778.878
Các khoản khác	1.052.054.244	1.528.038.422
TỔNG CỘNG	6.638.605.435	4.743.817.300

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	76.992.248.529	76.992.248.529	26.265.734.648	26.265.734.648
Công ty Cổ phần Quốc Tế Khoáng Chất Công Nghiệp Việt Nam	14.462.730.222	14.462.730.222	-	-
Hợp tác xã bao bì Hoàng Minh	8.803.600.000	8.803.600.000	2.155.437.500	2.155.437.500
Công ty TNHH TTC Hà Nam	7.451.892.000	7.451.892.000	3.289.248.000	3.289.248.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	7.323.279.455	7.323.279.455	1.626.520.000	1.626.520.000
Công ty Lotte Chemical Corporation	6.954.823.200	6.954.823.200	-	-
Công ty cổ phần thương mại vận tải Thành Vũ	2.122.200.000	2.122.200.000	6.911.611.001	6.911.611.001
Hợp tác xã Hà Phương	974.084.928	974.084.928	4.481.592.948	4.481.592.948
Phải trả cho các đối tượng khác	28.899.638.724	28.899.638.724	7.801.325.199	7.801.325.199
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	5.513.520.933	5.513.520.933	16.940.361.089	16.940.361.089
TỔNG CỘNG	82.505.769.462	82.505.769.462	43.206.095.737	43.206.095.737



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty R&C Company Shpk	2.322.833.355	-
Công ty Petromall Industrial & Trade	1.758.836.916	-
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh 27)	198.297.953	-
Các đối tượng khác	9.373.264.629	2.572.554.495
TỔNG CỘNG	13.653.232.853	2.572.554.495

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	41.629.901.522	(41.629.901.522)	-
Thuế thu nhập cá nhân	37.363.182	568.302.388	(556.031.463)	49.634.107
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.000.011.561	(5.000.011.561)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	17.883.857.065	(3.564.584.089)	14.319.272.976
Thuế khác	-	188.797.603	(188.797.603)	-
TỔNG CỘNG	37.363.182	65.270.870.139	(50.939.326.238)	14.368.907.083
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	47.385.786.099	76.660.029.310	(82.144.360.304)	41.901.455.105
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.317.228.273	-	(1.317.228.273)	-
TỔNG CỘNG	48.703.014.372	76.660.029.310	(83.461.588.577)	41.901.455.105

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay	253.743.222	71.064.427
Chi phí tiền điện	129.486.600	1.637.213.256
Trích trước lương tháng 13	3.300.000.000	2.402.865.930
TỔNG CỘNG	3.683.229.822	4.111.143.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	76.971.659	84.506.409
Phí xuất hàng	991.379.751	1.695.081.031
Các khoản phải trả khác	691.697.543	1.155.842.004
TỔNG CỘNG	1.760.048.953	2.935.429.444
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>73.023.700</i>	<i>51.519.889</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>1.687.025.253</i>	<i>2.883.909.555</i>



Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm				Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỉ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn									
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	87.027.117.334	87.027.117.334	499.546.810.425	(472.140.941.874)	(1.800.892.216)	112.632.093.669	112.632.093.669		
Vay dài hạn tới hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	38.918.918.928	38.918.918.928	38.918.918.928	(38.918.918.928)	-	38.918.918.928	38.918.918.928		
TỔNG CỘNG	125.946.036.262	125.946.036.262	538.465.729.353	(511.059.860.802)	(1.800.892.216)	151.551.012.597	151.551.012.597		
Vay dài hạn									
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	71.194.594.584	71.194.594.584	1.200.000.000	(38.918.918.928)	-	33.475.675.656	33.475.675.656		
TỔNG CỘNG	71.194.594.584	71.194.594.584	1.200.000.000	(38.918.918.928)	-	33.475.675.656	33.475.675.656		

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Khoản vay	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Vay ngân hàng VND	112.632.093.669	4,7% - 5,8%	Gốc vay đáo hạn từ ngày 30 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 4 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.
TỔNG CỘNG (*)	112.632.093.669		

(*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nêu trên:

- Tài sản đảm bảo là máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 51/2018/HĐĐB/NHCTKCNHD5 ngày 17 tháng 4 năm 2018.

18.2 Vay dài hạn ngân hàng

Khoản vay	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Đơn vị tính: VND
Vay ngân hàng VND	72.394.594.584	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng + biên độ 3,825%/năm	Gốc vay đáo hạn lần cuối vào 15 tháng 11 năm 2027. Lãi vay được trả hàng tháng.	
TỔNG CỘNG (*)	72.394.594.584			

(*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn nêu trên:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát, một công ty con của cổ đông lớn, được quy định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2093/2024/HĐTC ký ngày 07 tháng 11 năm 2024; và
- Bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, cổ đông lớn với giá trị bảo lãnh là 87.600.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	8.212.960.588	935.498
Trích quỹ trong năm	460.340.899	10.397.925.590
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(3.580.433.620)</u>	<u>(2.185.900.500)</u>
Số cuối năm	<u>5.092.867.867</u>	<u>8.212.960.588</u>

30081
 CÔNG
 TNHH
 VST &
 VIỆT M
 HỒ HỒ

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Năm trước:						
Số đầu năm	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	142.059.044.462	1.564.926.542	897.239.457.934
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.251.853.112	-	2.251.853.112
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.397.925.590)	-	(10.397.925.590)
Số cuối năm	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	133.912.971.984	1.564.926.542	889.093.385.456
Năm nay:						
Số đầu năm	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	133.912.971.984	1.564.926.542	889.093.385.456
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.284.025.492	-	24.284.025.492
- Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(22.098.904.800)	-	(22.098.904.800)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(460.340.899)	-	(460.340.899)
Số cuối năm	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	135.637.751.777	1.564.926.542	890.818.165.249

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2024 số tiền 22.098.904.800 VND và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 460.340.899 VND theo Nghị quyết số 250401/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. **VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

20.2 **Cổ phiếu**

	Năm nay		Năm trước	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đang ký phát hành	73.663.016	736.630.160.000	73.663.016	736.630.160.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.663.016	736.630.160.000	73.663.016	736.630.160.000
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	736.630.160.000	73.663.016	736.630.160.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	73.663.016	736.630.160.000	73.663.016	736.630.160.000
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	736.630.160.000	73.663.016	736.630.160.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2024; 10.000 đồng Việt Nam).

20.3 **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	736.630.160.000	736.630.160.000
Tăng vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>736.630.160.000</u>	<u>736.630.160.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	22.098.904.800	-
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2024: 300 VND /cổ phiếu	22.098.904.800	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	22.083.025.455	-
Cổ tức trả bằng tiền	22.083.025.455	-



Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.021.899.306.255	896.883.386.629
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng thành phẩm	992.135.893.358	843.471.264.808
Doanh thu bán hàng hóa	28.351.607.341	52.415.218.117
Doanh thu dịch vụ	1.411.805.556	996.903.704
Các khoản giảm trừ doanh thu	(120.238.718)	(70.557.740)
Trong đó:		
Giảm giá hàng bán	-	(70.557.740)
Hàng bán bị trả lại	(120.238.718)	-
Doanh thu thuần	1.021.779.067.537	896.812.828.889
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	130.369.421.446	103.752.781.401
Doanh thu với các đối tượng khác	891.409.646.091	793.060.047.488

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.568.770.000	19.194.041.896
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.680.313.424	9.822.924.142
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.985.194.074	16.830.663.469
TỔNG CỘNG	44.234.277.498	45.847.629.507

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm	757.864.016.797	621.842.743.751
Giá vốn bán hàng hóa	22.609.610.430	38.284.959.899
TỔNG CỘNG	780.473.627.227	660.127.703.650

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	36.034.889.720	54.408.293.934
Chi phí lãi vay	10.262.496.277	7.820.827.020
Chi phí phát hành khoản vay	1.200.000.000	770.000.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	729.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	525.854.935	941.906.136
Chi phí tài chính khác	764.220.000	1.163.525.559
TỔNG CỘNG	49.516.460.932	65.104.552.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.650.187.563	181.377.596.214
Chi phí nhân viên	4.463.350.690	4.122.084.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	914.446.328	1.121.346.781
Chi phí bán hàng khác	7.107.520.321	8.087.143.634
TỔNG CỘNG	175.135.504.902	194.708.170.732
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	7.362.520.753	6.825.720.731
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.399.216.403	2.288.579.039
Thuế, phí và lệ phí	3.783.514.313	3.137.358.103
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	510.000.000	425.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.320.077.964	5.991.823.758
TỔNG CỘNG	23.375.329.433	18.668.481.631

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	643.274.176.842	524.555.947.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.955.656.111	229.998.104.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.700.341.572	29.696.650.036
Chi phí nhân công	45.166.004.343	38.161.260.723
Chi phí khác	11.694.099.341	18.337.132.590
TỔNG CỘNG	970.790.278.209	840.749.094.507

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN		
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	17.883.857.065	1.598.974.671
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	3.093.819
	(2.938.028.210)	-
TỔNG CỘNG	14.945.828.855	1.602.068.490

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.229.854.347	3.853.921.602
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	7.845.970.869	770.784.320
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Dự phòng đầu tư không được trừ	10.986.594.083	4.049.008.737
Lãi chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu năm trước thực hiện vào năm nay	224.736.198	61.144.649
Lỗi chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu năm nay	27.600.916	-
Các khoản chi phí không được trừ khác	1.237.014.403	435.040.675
Các khoản điều chỉnh tăng khác	137.666.386	521.157.458
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	3.093.819
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.513.754.000)	(3.838.808.379)
Lãi chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu năm nay	-	(224.736.198)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(174.616.591)
Chi phí thuế TNDN	14.945.828.855	1.602.068.490

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

1802
i TY
IH
YOU
NAM
100

1802
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Thu nhập từ hoạt động đầu tư nước ngoài	2.938.028.210	-	2.938.028.210	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	<u>2.938.028.210</u>	<u>-</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			<u>2.938.028.210</u>	<u>-</u>

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp cao nhất (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025) Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty An Thành Bicol Singapore PTE LTD	Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần An Thành Bicol	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty An Phát International, INC.	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty AFC EcoPlastics, LLC	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty AnKor Bioplastics, Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty liên kết của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên	Công ty liên kết
	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
	Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
	Công ty liên kết của Công ty con
	Công ty liên kết của công ty con
	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
	Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài giao dịch được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 18, những giao dịch trọng yếu khác của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Mua hàng hóa	66.147.737.445	43.991.860.444
		Doanh thu bán hàng	81.180.073.374	73.691.498.844
		Tiền thu từ bán hàng	88.522.927.507	86.178.773.543
		Mua dịch vụ	3.748.176.606	-
		Mua tài sản cố định	6.704.454.545	-
		Mua cổ phần	105.476.160.000	-
Công ty An Thành	Công ty con	Cổ tức đã trả	9.966.617.400	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	19.671.484.825	104.495.275.583
		Mua hàng hóa	9.634.688.761	8.796.774.340
		Doanh thu bán hàng	2.826.833.333	673.200.000
Công ty An Tín	Công ty con	Tiền thu từ bán hàng	3.190.682.240	806.062.680
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	10.437.515.000	9.676.451.775
		Mua dịch vụ	110.584.030.410	151.656.614.545
		Cổ tức được chia	23.760.000.000	4.950.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Thu tiền từ cổ tức được chia	28.710.000.000	-
		Tiền chi trả mua dịch vụ	124.430.298.980	146.940.952.265
		Doanh thu bán hàng	11.386.622.500	5.682.628.400
		Mua hàng hóa và dịch vụ	3.289.249.035	4.223.488.800
		Tiền thu từ bán hàng	11.366.943.800	6.890.519.240
		Tiền chi trả mua hàng hóa	3.552.388.953	4.602.520.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài giao dịch được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 18, những giao dịch trọng yếu khác của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp cao nhất (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty mẹ của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Mua dịch vụ	1.620.000.000	1.272.000.000
		Tiền chi trả mua dịch vụ	1.740.000.000	1.450.760.000
		Tiền chi trả khoản trả hộ	199.099.800	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	-	20.241.818
		Tiền chi trả mua hàng hóa	-	22.266.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công Nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	235.908.480	68.795.320
		Tiền chi trả mua hàng	223.881.840	66.763.440
		Cổ tức được chia Tiền thu cổ tức được nhận	- 750.000.000	1.312.500.000 562.500.000
Công ty AFC EcoPlastics LLC	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	34.154.462.239	23.444.064.697
		Tiền thu từ bán hàng	33.069.789.299	23.550.477.361

08118
CÔNG
TNHI
ST & Y
IỆT N
PHỔ H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài giao dịch được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 18, những giao dịch trọng yếu khác của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Ankor Bioplastics., Ltd	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	392.310.000	137.971.460
		Tiền thu từ bán hàng	392.634.000	804.882.820
		Tiền chi trả mua hàng hóa	-	908.424.000
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	114.770.000	123.418.000
		Tiền thu từ bán hàng	124.374.600	154.404.800
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty liên kết	Nhận tiền giảm vốn góp	39.850.200.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025) Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	277.884.366	243.943.401
		Mua tài sản cố định	80.000.000	-
		Doanh thu bán hàng	307.300.000	-
		Tiền thu từ bán hàng	333.984.000	-
		Tiền chi trả mua hàng hóa	386.515.120	264.275.100



KẾ TÍNH TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài giao dịch được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 18, những giao dịch trọng yếu khác của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Lãi cho vay	-	1.657.041.095
		Tiền chi cho vay	-	215.500.000.000
		Thu tiền cho vay	-	249.500.000.000
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Lãi cho vay	-	415.232.877
		Cho vay	-	165.000.000.000
		Thu tiền cho vay	-	165.000.000.000
Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD	Công ty con	Cổ tức nhận được	3.808.770.000	12.931.541.896
		Mua hàng hóa	3.641.804.640	-
		Tiền chi trả mua hàng hóa	3.641.804.640	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Mua hàng hóa	17.547.061	71.795.430
		Tiền chi trả mua hàng hóa	18.958.146	77.639.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài giao dịch được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan như trình bày tại *Thuyết minh số 18*, những giao dịch trọng yếu khác của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu tài chính	-	8.054.795
		Tiền chi cho vay	-	7.000.000.000
		Thu tiền cho vay	-	7.000.000.000
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Chi tạm ứng	100.000.000	605.000.000
		Thu tạm ứng	100.000.000	763.160.000
Ông Dương Huy Bình	Người phụ trách quản trị Công ty	Chi tạm ứng	38.000.000	181.000.000
		Thu tạm ứng	48.000.000	176.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty AFC EcoPlastics LLC	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Bán hàng hóa	5.740.655.796	4.652.718.722
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Bán hàng hóa	1.039.842.900	-
TỔNG CỘNG			6.780.498.696	4.652.718.722
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Mua hàng hóa	-	63.874.068.365
TỔNG CỘNG			-	63.874.068.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con	Phải thu về cổ tức	-	4.950.000.000
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Suất Ăn Công Nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Phải thu về cổ tức	-	750.000.000
Ông Dương Huy Bình	Người phụ trách quản trị Công ty	Tạm ứng	-	10.000.000
TỔNG CỘNG			-	5.710.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	5.267.004.885	16.933.907.009
Công ty Cổ phần nhựa An Phát xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)	Mua hàng hóa	216.993.168	-
	Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	29.522.880	6.454.080
TỔNG CỘNG			5.513.520.933	16.940.361.089
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần nhựa An Phát xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)	Phải trả khác	198.297.953	-
	Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)			
TỔNG CỘNG			198.297.953	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty An Tín	Công ty con	Phải trả khác	73.023.700	51.519.889
TỔNG CỘNG			73.023.700	51.519.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Đơn vị tính: VND	
			Thu nhập	
			Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch		120.000.000	120.000.000
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		1.445.511.539	788.978.461
Ông Đinh Trọng Đức	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025	20.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025	40.000.000	-
TỔNG CỘNG			1.625.511.539	968.978.461

Thù lao của các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND		
		Thu nhập		
		Năm nay	Năm trước	
Bà Nguyễn Diệu Linh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	32.000.000	20.000.000	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	12.000.000	32.000.000	
Bà Nguyễn Thủy Nga	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	16.000.000	-	
Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	16.000.000	-	
Bà Đỗ Như Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	8.000.000	20.000.000	
TỔNG CỘNG			84.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất, văn phòng, nhà máy và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.624.896.001	902.096.001
Từ 1 - 5 năm	4.453.181.276	634.248.852
Trên 5 năm	2.628.224.325	2.718.852.750
TỔNG CỘNG	10.706.301.602	4.255.197.603

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	3.870.111	1.078.490
- Euro (EUR)	64.662	24.260
- Rúp Nga (RUB)	105.705	1.565.556

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập


Nguyễn Thị Thu Nhân
Kế toán trưởng


Ngô Văn Thu
Tổng Giám đốc

